UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

Số 171/TB-ĐHHĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thanh Hoá, ngày 11 tháng 9 năm 2020*

# THÔNG BÁO

## Mức điểm nhận đăng ký xét tuyển đại học, cao đẳng hệ chính quy đợt 1 năm 2020 vào Trường Đại học Hồng Đức

Thực hiện Thông báo số 57/TB-ĐHHĐ ngày 08/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy năm 2020 và kết quả họp HĐTS ngày 01/09/2020, Trường Đại học Hồng Đức thông báo mức điểm nhận ĐKXT các ngành trình độ đại học; trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy đợt 1 năm 2020, như sau:

| TT | Mã ngành | Ngành | Mức điểm nhận ĐKXT | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Sử dụng kết quả thi THPT | | | Sử dụng kết quả học THPT | |
| | | | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | Điểm của các tổ hợp | Ghi chú |
| 1 | 7140209CLC | ĐH Sư phạm Toán học CLC | Ko xét | Ko xét | 24.0 | Ko xét | |
| 2 | 7140211CLC | ĐH Sư phạm Vật lý CLC | Ko xét | Ko xét | 24.0 | Ko xét | |
| 3 | 7140217CLC | ĐH Sư phạm Ngữ văn CLC | Ko xét | Ko xét | 24.0 | Ko xét | |
| 4 | 7140209 | ĐH Sư phạm Toán học | 17.0 | 18.0 | Theo ngưỡng đảm bảo chất lượng của Bộ GD&ĐT | 24.0 | Điều kiện: Học lực lớp 12 xếp loại Giỏi hoặc điểm TB xét TN THPT từ 8.0 trở lên. |
| 5 | 7140211 | ĐH Sư phạm Vật lý | 17.0 | 18.0 | | 24.0 | |
| 6 | 7140212 | ĐH Sư phạm Hóa học | 17.0 | 18.0 | | 24.0 | |
| 7 | 7140213 | ĐH Sư phạm Sinh học | 17.0 | 18.0 | | 24.0 | |
| 8 | 7140217 | ĐH Sư phạm Ngữ văn | 21.0 | 18.0 | | 24.0 | |
| 9 | 7140218 | ĐH Sư phạm Lịch sử | 21.5 | 24.0 | | 24.0 | |
| 10 | 7140219 | ĐH Sư phạm Địa lý | 17.0 | 18.0 | | 24.0 | |
| 11 | 7140231 | ĐH Sư phạm Tiếng Anh | 17.0 | 18.0 | | 24.0 | |
| 12 | 7140202 | ĐH Giáo dục Tiểu học | 19.95 | 19.0 | | 24.0<br>M00=16 | |
| 13 | 7140201 | ĐH Giáo dục Mầm non | 17.0 | 18.0 | | 16.0 | |

| TT | Mã ngành | Ngành | Mức điểm nhận ĐKXT | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Sử dụng kết quả thi THPT | | | Sử dụng kết quả học THPT | |
| | | | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | Điểm của các tổ hợp | Ghi chú |
| 14 | 7140206 | ĐH Giáo dục Thể chất | 17.0 | 18.0 | Theo ngưỡng đảm bảo chất lượng của Bộ GD&ĐT | 13.0 | Điều kiện: Học lực lớp 12 xếp loại Khá trở lên hoặc điểm TB xét TN THPT từ 6.5 trở lên. |
| | | | | | | 10.0 | Đối với các thí sinh dự tuyển là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia, quốc tế hoặc có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0). |
| 15 | 7340301 | ĐH Kế toán | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 16 | 7340101 | ĐH Quản trị kinh doanh | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 17 | 7340201 | ĐH Tài chính-Ngân hàng | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 18 | 7340302 | ĐH Kiểm toán | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 19 | 7380101 | ĐH Luật | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 20 | 7580201 | ĐH Kỹ thuật xây dựng | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 21 | 7520201 | ĐH Kỹ thuật điện | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 22 | 7480201 | ĐH Công nghệ thông tin | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 23 | 7620109 | ĐH Nông học | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 24 | 7620112 | ĐH Bảo vệ thực vật | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 25 | 7620201 | ĐH Lâm học | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 26 | 7620105 | ĐH Chăn nuôi | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 27 | 7850103 | ĐH Quản lý đất đai | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 28 | 7220201 | ĐH Ngôn ngữ Anh | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 29 | 7850101 | ĐH QLTN và Môi trường | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 30 | 7310301 | ĐH Xã hội học | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 31 | 7310630 | ĐH Việt Nam học | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 32 | 7810101 | ĐH Du lịch | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |
| 33 | 7310101 | ĐH Kinh tế | 13.0 | 14.0 | 15.0 | 16.5 | |

| TT | Mã ngành | Ngành | Mức điểm nhận ĐKXT | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Sử dụng kết quả thi THPT | | | Sử dụng kết quả học THPT | |
| | | | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | Điểm của các tổ hợp | Ghi chú |
| 34 | 51140201 | CĐ Giáo dục Mầm non | 15.0 | 16.0 | Theo ngưỡng đảm bảo chất lượng của Bộ GD&ĐT | 13.0 | Điều kiện: Học lực lớp 12 xếp loại Khá trở lên hoặc điểm TB xét TN THPT từ 6.5 trở lên. |

***Ghi chú***:

- Mức điểm nhận ĐKXT đối với thí sinh sử dụng kết quả thi THPT năm 2018, 2019, 2020 là **tổng điểm 3 môn thi** (*không nhân hệ số ở tất cả các tổ hợp, không có môn thi nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống*) **và điểm ưu tiên** (*gồm điểm đối tượng + khu vực*);

*Mức chênh lệch giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (không phẩy hai lăm điểm) đối với thang điểm 10.*

***Đối với ngành đào tạo giáo viên chất lượng cao***, tính theo tổng điểm 3 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 đạt từ 24.0 trở lên (*không có môn nào dưới 5,0 điểm*) và môn chủ chốt của ngành đào tạo đạt từ 8.0 điểm trở lên (*môn Toán đối với SP Toán, môn Vật lý đối với SP Vật lý, môn Ngữ văn đối với SP Ngữ văn*).

Ở các ngành có tổ hợp xét tuyển chứa môn thi năng khiếu phải đảm bảo:

+ Năm 2018: Tổng điểm 2 môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển + ưu tiên x 2/3 ≥ ngưỡng đảm bảo chất lượng (ĐH: 11,33 điểm; CĐ: 10 điểm);

+ Năm 2019: Tổng điểm 2 môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển + ưu tiên x 2/3 ≥ ngưỡng đảm bảo chất lượng (ĐH: 12 điểm; CĐ: 10,67 điểm)

+ Năm 2020: Tổng điểm 2 môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển + ưu tiên x 2/3 ≥ ngưỡng đảm bảo chất lượng của Bộ GD&ĐT đề ra.

- Mức điểm nhận ĐKXT đối với thí sinh xét tuyển bằng phương thức sử dụng kết quả học tập THPT: là tổng điểm trung bình của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển ở 3 học kỳ (kỳ 1, kỳ 2 lớp 11 và kỳ 1 lớp 12) không tính điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng.

Các ngành GDTC, GDMN và khối M00 của GDTH mức điểm nhận ĐKXT là tổng điểm trung bình của 2 môn thuộc tổ hợp xét tuyển và yêu cầu điểm thi năng khiếu đạt từ 5.0 trở lên.

Chi tiết liên hệ: **Phòng QLĐT-Trường ĐH Hồng Đức, số 565 Quang Trung 3, P. Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, điện thoại: 02373.910.619./.**

***Nơi nhận:***
- Bộ GD&ĐT (để bc);
- Lưu: VT, QLĐT, HĐTS.

**Q. HIỆU TRƯỞNG**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

**Hoàng Nam**